

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 06 - 2025

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khiên, bà Quàng Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 02/11/1996. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.住所 ở hiện nay: K, Yokohama shi, T, F Cho 517 – 1, Nhật Bản. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Xuân H1, sinh ngày 06/08/1984. Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày như sau:

Về tình cảm, quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Vũ Xuân H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Sơn La theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 316/2013 quyền số 02/2013 ngày 17/12/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc.

Đến tháng 12/2020, vì lý do kinh tế, chị phải sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Từ đây, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh, do vợ chồng sống xa cách, ít có cơ hội hỏi han, trò chuyện cùng nhau. Đến năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hoà hợp, tình cảm vợ chồng không còn, không tìm được tiếng nói chung. Việc hai vợ chồng mỗi người ở một nơi cũng là nguyên nhân khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù chị, anh H1 và gia đình hai bên cũng đã cố gắng trao đổi, động viên, hàn gắn nhưng

không khắc phục được. Thực tế từ năm 2021 đến nay, chị và anh H1 đã sống ly thân, ít khi liên lạc với nhau và anh H1 cũng không phụ giúp, hỗ trợ chị trong việc xây dựng kinh tế gia đình.

Do đó chị Phạm Thị Ngọc H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Xuân H1 để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung:

Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Vũ Xuân H1 có 02 con chung: cháu Vũ Xuân T, sinh năm 2018 và cháu Vũ Xuân T1, sinh năm 2014. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị giao cả 02 con chung Vũ Xuân T và cháu Vũ Xuân T1 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1 2.000.000 đồng/tháng/con đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2025, bị đơn anh Vũ Xuân H1 trình bày: Anh Vũ Xuân H1 và chị Phạm Thị Ngọc H có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Sơn La vào ngày 17/12/2013. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và chung sống hạnh phúc từ khi đăng ký kết hôn đến nay, không mâu thuẫn gì. Trước đây anh và chị H xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến năm 2022 anh về nước để nuôi dạy con cái, khi anh về nước thì chị H chặn liên lạc. Anh không đồng ý ly hôn vì con cái cần gia đình hoàn thiện, đầy đủ bố mẹ, anh mong chị H suy nghĩ lại mà đoàn tụ cùng bố con anh.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Xuân T, sinh năm 2018 và cháu Vũ Xuân T1, sinh năm 2014. Hiện anh đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu. Nếu chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn thì về con chung anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom và giáo dục các cháu. Không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nợ chung, tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến cháu Vũ Xuân T và cháu Vũ Xuân T1 ngày 03/4/2025: Hai cháu có ý kiến nguyện vọng Tòa án giải quyết cho cháu được ở với bố vì mẹ không có nhà, không quan tâm, chăm sóc. Nếu ở với bố cuộc sống của cháu được đảm bảo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án; thẩm quyền đúng quy định tại khoản 3 Điều 35; Điều 37, 464, 460 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đảm bảo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đảm bảo theo quy định tại các Điều 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải do các đương sự đều xin vắng mặt nên không tiến hành được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014; Điểm a, khoản 5; điểm d Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn anh Vũ Xuân H1.

- Về con chung: Giao 02 cháu Vũ Xuân T1, sinh ngày 08/8/2014 và cháu Vũ Xuân T, sinh ngày 11/6/2018 cho anh Vũ Xuân H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận chị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/cháu. Tổng 4.000.000đ/tháng.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 14/10/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình số 01/2025/TLST - HNGĐ về việc xin ly hôn theo đơn khởi kiện nhận ngày 24/07/2024 của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H có địa chỉ tại K, Y, T, F Cho 517 – 1, Nhật Bản, bị đơn anh Vũ Xuân H1 có địa chỉ cư trú tại Bản T, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 122, Điều 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thủ tục hòa giải: Chị Phạm Thị Ngọc H hiện đang ở nước ngoài. Tại đơn đề nghị chị H có ý kiến xin vắng mặt và không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Vũ Xuân H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 316/2013 quyền số 02/2013 ngày 17/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Sơn La, việc kết hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc H và anh Vũ Xuân H1 là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Ngọc H và anh Vũ Xuân H1 là hợp pháp theo quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh H1 hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Đầu tháng 12 năm 2020, chị H sang Nhật Bản sinh sống và làm việc, từ đó mâu thuẫn phát sinh, đến năm 2021 mâu thuẫn trở nên căng thẳng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hòa hợp. Mặc dù mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không khắc phục được, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù anh Vũ Xuân H1 không nhất trí ly hôn nhưng xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị Phạm Thị Ngọc H và anh Vũ Xuân H1 đã trầm trọng, hai bên không có hướng khắc phục mâu thuẫn, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H, xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Vũ Xuân H1 có 02 con chung là cháu Vũ Xuân T, sinh năm 2018 và cháu Vũ Xuân T1, sinh năm 2014. Hiện nay anh H1 đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị H hiện đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, nguyện vọng của cháu T, cháu T1 là được ở với anh H1 để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1 mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/con. Chị H được quyền thăm nom con chung không được ai cản trở quyền thăm nom con chung của chị H theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh H1 không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 238, Điều 469, khoản 2, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn anh Vũ Xuân H1.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 316/2013, Quyền số 02/2013 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Sơn La cấp ngày 17/12/2013 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực).

2. Về con chung:

Giao cháu cháu Vũ Xuân T, sinh ngày 11/6/2018 và cháu Vũ Xuân T1, sinh ngày 08/8/2014 cho anh Vũ Xuân H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho hai cháu Vũ Xuân T, sinh ngày 11/6/2018 và cháu Vũ Xuân T1, sinh ngày 08/8/2014 số tiền 2.000.000đ/tháng/con, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu T, cháu T1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nợ chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000051 ngày 14/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Chị Phạm Thị Ngọc H còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật .

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng TT, KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Điêu Thị Kim Liên